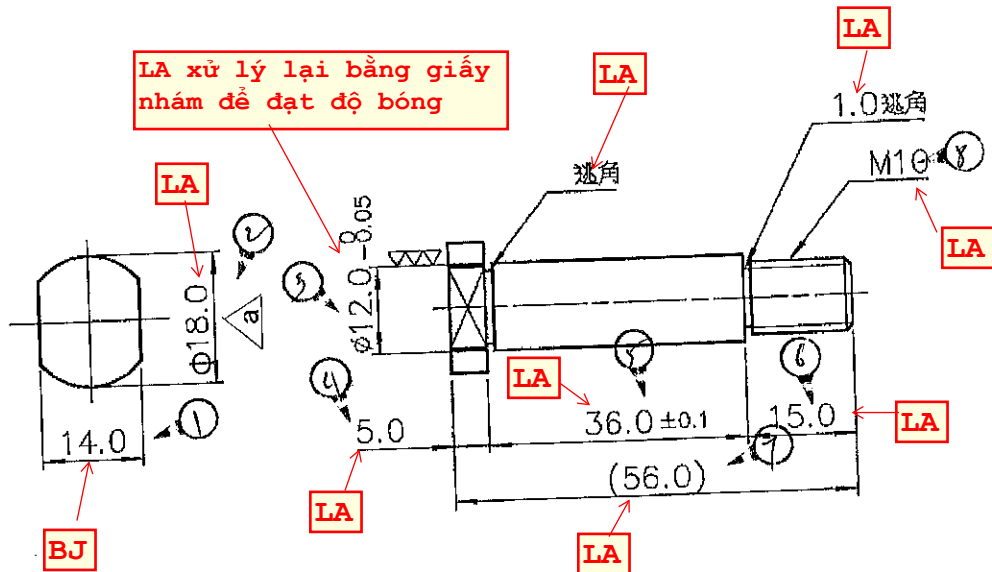


訂正Rev	日付	記	公差表示
△a	13/10/30	指示追加	0.5以下 ±0.1
			6~30 ±0.2
			31~120 ±0.3
			121~315 ±0.5
			圖面上有公差時以圖面公差優先

213. 307. 090 B
1P

XUẤT BẢN VẼ
BẢN VẼ DÙNG
CHẾ TÁC - NGHIỆM THU
HỦY SAU KHI HOÀN TẤT
DO NOT COPY
2023.07.31
P.QLKTSX VDM

▽▽(▽▽▽)
全周 CO.3
④



工程

40
40
30
10

部品名	材質	數量	設備名稱
軸	SK	1	電樞研磨機
熱處理	表面處理	檢圖	設計
燒入HRC 燒灰	SQB-10	許振峰	田中
製圖	日期	共通部品番號	訂正REV
黃文宜	03/08/1996		
尺 度	第三圖面	S079118	
1:1 (/)	角法 番號		

華洲電機工業股份有限公司 2

020461

414 307 0291

SNO: S079118

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI

THỜI GIAN CHUẨN 1P

1.VẬT LIỆU:
Ø19*61

LA:40
BJ:15
AB:10